

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2018

“V/v tranh chấp ly hôn,
yêu cầu nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng

2. Bà Nguyễn Hồng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn An- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2017/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1978.

Trú tại: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1974.

Trú tại: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.

(Chị Võ Thị L, anh Huỳnh Văn C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày ngày 02 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Chị Võ Thị L trình bày: Chị xây dựng hôn nhân với anh Huỳnh Văn C vào ngày 10/02/1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, tuy nhiên

không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn hợp với nhau, không còn hạnh phúc. Nay xét thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh C. Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Tuyết D sinh năm 1995 và cháu Huỳnh Thị Phương V sinh năm 2014; cháu Tuyết D đã trưởng thành, còn cháu Phương V đang sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu Phương V không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung chị L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có một số tài sản chung, hiện anh C đang quản lý, tuy nhiên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề trên.

Anh Huỳnh Văn C không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án nên không thể thu thập chứng cứ từ lời khai từ anh C.

Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Bản tự khai của chị L, biên bản lấy lời khai của chị L, giấy khai sinh của cháu Huỳnh Phương V, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C, Đơn xin xác nhận nơi cư trú, Sổ hộ khẩu của chị L, anh C.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia trong vụ án cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh C đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh C đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt đối với anh C, chị L. Từ đó đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về tố tụng đối với vụ án.

Về nội dung: Do Chị Võ Thị L và anh Huỳnh Văn C không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị L và anh C là vợ chồng; Về con chung: chị L có yêu cầu nuôi con là cháu Huỳnh Thị Phương V, do cháu Vy hiện đang chung sống với chị L, cháu Vy hiện còn nhỏ nên đề nghị giao cháu Vy cho chị L nuôi dưỡng giáo dục; chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, từ đó không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Vy, anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 02 tháng 10 năm 2017 Chị Võ Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn C và yêu cầu nuôi con chung. Ngày 02 tháng 10 năm 2017 chị L đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Tòa án đã thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị L, anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Huỳnh Văn C bắt đầu chung sống từ ngày 10/02/1994 âl, xây dựng hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, tuy nhiên anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký thì không có giá trị pháp lý, và tại Điều 14 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị L có yêu cầu ly hôn với anh C. Do anh C và chị L không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh C có 02 người con chung là Huỳnh Thị Tuyết D sinh năm 1995 và cháu Huỳnh Thị Phương V sinh năm 2014; cháu Tuyết D đã trưởng thành, còn cháu Phương V đang sống cùng với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi cháu Phương V và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phương V sinh năm 2014 nên vẫn còn nhỏ, hiện tại cháu Phương V đang chung sống cùng với chị L. Để đảm bảo cho tâm lý cháu phát triển ổn định, không phải thay đổi môi trường sống vì vậy tiếp tục giao cháu Phương V cho chị L nuôi dưỡng giáo dục. Do chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì vậy không buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh C được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000đ.

[6] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 227, 228, 266, 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng 9, 14, 15, 53, 58, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Võ Thị L và anh Huỳnh Văn C.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung cháu Huỳnh Thị Phương V sinh năm 2014 Chị Võ Thị L nuôi dưỡng giáo dục.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không có yêu cầu. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009984 ngày 02/10/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long. Chị L đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- UBND xã V
- Các đương sự
- Lưu

Hồ Huỳnh Tố Hiền

